

## PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH**  
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỊNH**  
**TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm: 2025**

### 1. THÔNG TIN CHUNG

**1.1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Bình Minh

**1.2. Địa chỉ:** Số 129 Máy Tơ - Phường Nam Định – Tỉnh Ninh Bình

Hòm thư điện tử: mnbinhminh2025@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <http://mnbinhminh.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non công lập

**1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:**

**1.4.1. Sứ mạng:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

**1.4.2. Tầm nhìn:**

Với bề dày truyền thống và phát triển, trường mầm non Bình Minh không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Và trên hết, trường mầm non Bình Minh luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tổ

chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

### **1.4.3. Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Thực hiện nghiêm túc công tác bảo đảm an toàn cho trẻ; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tăng cường công tác tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) trong nhà trường.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo và hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

### **1.5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường mầm non Bình Minh được xây dựng trên địa bàn phường Trần Hưng Đạo cũ nay là phường Nam Định. Phường Nam Định có diện tích 19,91km<sup>2</sup>, dân số 188.751 người, mật độ dân số là 9,48/1km<sup>2</sup>, tình hình chính trị của địa phương ổn định, kinh tế phát triển vững chắc. Đảng bộ và nhân dân phường Trần Hưng Đạo cũ nay là phường Nam Định nhiều năm qua đã tập trung quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục nhất là giáo dục mầm non. Năm 2019 trường mầm non Bình Minh được sáp nhập và thành lập bởi 2 trường: Mầm non Bình Minh và Mầm non Sao Mai theo quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND thành phố Nam Định( Nay thuộc phường Nam Định- Tỉnh Ninh Bình). Trường có 02 điểm trường; Cơ sở 1: 129 Máy Tơ- Phường Trần Hưng Đạo- TP Nam Định ( Nay thuộc phường Nam Định- Tỉnh Ninh Bình); CS2: Số 1 Huỳnh Thúc Kháng- Phường Trần Hưng Đạo- TP Nam Định ( Nay thuộc phường Nam Định- Tỉnh Ninh Bình).

Trong những năm qua nhà trường đã triển khai thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động giáo dục, các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành, tham gia tích cực các hoạt động xã hội. Từ năm 2020 đến nay, trường luôn đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”, “Tập thể trường tiên tiến”, “Công đoàn cơ sở vững mạnh”.

Tháng 9 năm 2021 nhà trường được nhận bằng khen của UBND Tỉnh Nam Định; Năm học 2024 -2025 Phường Trần Hưng Đạo được UBND thành phố Nam Định, UBND tỉnh Nam Định công nhận là đơn vị đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, đòi hỏi sự nghiệp giáo dục cần quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục thế hệ trẻ thành những con người có đủ các phẩm chất đạo đức, năng lực sáng tạo để đáp ứng được công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Mục tiêu giáo dục của mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi.

### **1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên : Đặng Thị Lan Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0986671573

Địa chỉ thư điện tử: [mnbinhminh2025@gmail.com](mailto:mnbinhminh2025@gmail.com)

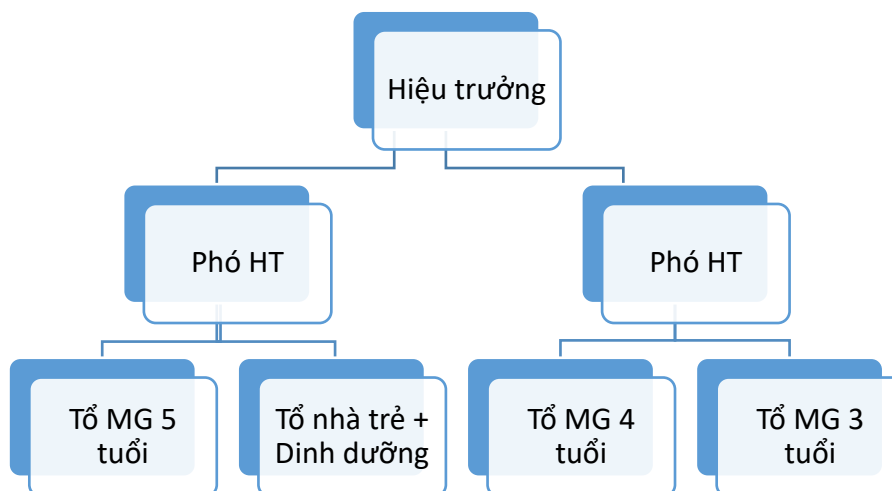
- Quyết định thành lập trường: Quyết định số số 2352/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND thành phố Nam Định( Nay thuộc phường Nam Định- Tỉnh Ninh Bình) về việc sáp nhập trường Mầm non Bình Minh và Mầm non Sao Mai thuộc Sở giáo dục – đào tạo Tỉnh Nam Định

- Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân TP Nam Định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học ( đối với hiệu trưởng trường Mầm non Bình Minh Bà Đặng Thị Lan Anh).

- Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 31/05/2025 của Chủ tịch UBND TP Nam Định về việc Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học cho đồng chí Trần Thị Thanh Hiền giữ chức vụ Phó hiệu trưởng nhà trường

- Quyết định 236/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND TP Nam Định về việc Bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học cho đồng chí Phạm Minh Phương giữ chức vụ Phó hiệu trưởng nhà trường.

Sơ đồ bộ máy trường



## II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
			ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III
	<b>Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường</b>	<b>28</b>							
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>						<b>2</b>	<b>1</b>
1	Hiệu trưởng	1	1					1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2					1	1
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>1</b>				1	19
1	Nhà trẻ	4	4						4
2	Mẫu giáo	15	14	1				1	14
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>	1			9			
1	Nhân viên kế toán	1	1						
2	Nhân viên dinh dưỡng	2				4			
3	Nhân viên bảo vệ	3				3			

## 2.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024				Năm học 2024-2025			
		Tốt	Khá	TB	KĐG	Tốt	Khá	TB	KĐG
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>1</b>	<b>2</b>			<b>1</b>	<b>2</b>		
1	Hiệu trưởng	1				1			
2	Phó Hiệu trưởng		2				2		
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>		<b>20</b>				<b>19</b>		
1	Nhà trẻ		4				4		
2	Mẫu giáo		15				15		

## 2.3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	Số lượng	3	3
	Tỉ lệ	100%	100%
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>20</b>	<b>19</b>
	Số lượng	19	16
	Tỉ lệ	95%	84%
<b>3</b>	<b>Nhân viên</b>		
	Số lượng		
	Tỉ lệ		

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Yêu cầu theo quy định
<b>1</b>	Diện tích khu đất xây dựng	736,9m <sup>2</sup>	736,9m <sup>2</sup>	
	Điểm trường	<b>2</b>	<b>2</b>	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ			
<b>2</b>	<b>Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng</b>			
<b>2.1</b>	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>			
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	<b>14</b>	<b>14</b>	
	Phòng vệ sinh	2	2	
	Phòng ngủ Phòng khác	0	0	

<b>2.2</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>			
	Thư viện	0	0	
	Phòng thể chất	0	0	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	0	0	
	Phòng khác			
<b>2.3</b>	<b>Khối phòng tổ chức ăn</b>			
	Nhà bếp	2	2	
	Nhà kho	2	2	
	Phòng khác	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>2.4</b>	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	1	2	
	Văn phòng trường	2	1	
	Phòng họp	2	1	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	
	Phòng bảo vệ	1	1	
	Phòng y tế	1	1	
	Phòng truyền thống	0	0	
	Phòng nhân viên	0	0	
	Phòng khác	0	0	
<b>2.5</b>	<b>Khối công trình công cộng</b>			
	Nhà xe giáo viên	1	1	
	Phòng khác	0	0	
	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có			
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	9	9	
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục	<b>17</b>	<b>18</b>	
	Ti vi	8	9	
	Máy tính	5	5	
	Máy in	4	4	

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

##### **4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá:

Trường Mầm non Bình Minh tự đánh giá Trường đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1

**4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm:**

- Trường chưa đủ các điều kiện thực hiện đánh giá ngoài.

- Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch từng bước phấn đấu kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số lớp	9	9
2	Tổng số trẻ	175	152
3	Số trẻ bình quân/lớp	19	17
4	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	170	152
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kì	170	152
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Hoàn thành	Hoàn thành
7	Số trẻ khuyết tật	0	0

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>**

1. Tình hình tài chính thu chi ngân sách của Nhà trường được cấp trên giao năm 2024:

Thu		Chi (tính đến 31/12/2025)		Tồn
Dự toán giao đầu năm	4.144.000.000	Chi kinh phí thường xuyên	4.113.462.899	
		Dự toán giữ lại	14.000.000	
		Trả lại dự toán	7.364.682	
Giao bổ sung		Chi Tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	199.504.040	
		Trả lại tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	3.495.960	
Tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	203.000.000	Chi thu nhập tăng thêm	9.172.419	
<b>Tổng thu</b>	<b>4.347.000.000</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>4.347.000.000</b>	<b>0</b>

2. Các khoản thu khác từ người học năm học 2024-2025 và 2025-2026:

<b>T</b> <b>T</b>	<b>Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục</b>	<b>Mức thu theo thỏa thuận</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tiền trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy	Xe đạp:10.000 đồng/tháng Xe điện:20.000 đồng/tháng Xe máy:30.000 đồng/tháng	Thu 10 tháng /01 năm học( thu theo số tháng thực học)
2	Tiền nước uống học sinh	10.000 đồng/HS/tháng	Thu 10 tháng /01 năm học( thu theo số tháng thực học)
3	Tiền chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và trong thời gian nghỉ hè	30.000 đồng/HS/ngày thứ 7 30.000 đồng/HS/ngày học thêm hè	
4	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	18.000 đồng/HS/tháng	Thu 10 tháng / 1 năm học ( thu theo số tháng thực học)
5	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú	100.000 đồng/HS/tháng	Thu theo số tháng thực nuôi ăn bán trú
6	Tiền quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	6.000 đồng/HS/ngày	Thu theo số ngày thực tế ăn bán trú
7	Tiền ăn bán trú (tiền ăn, tiền chất đốt,...)	25.000 đồng/HS/ngày	Thu theo ngày thực tế ăn bán trú
8	Đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú (chăn, gỏi, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú...)	452.000đ 1HS/lần đầu tiên ăn bán trú	Thực hiện thu theo năm học, thu thực tế số trẻ tham gia ăn bán trú

3. Dự kiến thu chi các khoản dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục nhà trường năm học 2025-2026:

**3.1. Tiền nước uống cho học sinh**

+ Mức thu: 10.000đ/trẻ/tháng

+Hình thức thu: Thu theo số tháng thực học. Thời gian từ ngày 01 đến ngày 5 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số tiền thu 1 tháng: 150 trẻ

$$150 \text{ trẻ} \times 10.000 \text{ đ/trẻ/tháng} = 1.500.000 \text{ đ.}$$

+ Dự kiến chi:

- Trả công cho nhân viên đun nước uống: 1.200.000đ/tháng.

- Mua cốc, bình nước, giá cốc bổ sung cho các lớp. Chi sửa chữa giá ca cốc, bình đựng nước, bảo quản, bảo dưỡng, thay lõi máy lọc nước, kiểm nghiệm nguồn nước...: 200.000đ/tháng.

### **3.2. Tiền chăm sóc trẻ ngày thứ 7, thời gian nghỉ hè**

+ Mức thu: 30.000đ/trẻ/ngày.

+ Hình thức thu: Thu theo đăng ký của cha mẹ trẻ, theo số tháng thực học. Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 5 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số trẻ đăng ký đi học ngày thứ 7 tháng 10/2025: 80 trẻ

+ Dự kiến chi: Sau khi trừ nộp thuế TNDN 2%; Chi tối đa 70% cho GV trực tiếp làm thêm thứ 7; Chi 15% cho công tác quản lý chỉ đạo, nhân viên; Chi hao mòn CSVC, điện, nước, bảo vệ, vệ sinh là 15%

### **3.3. Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh**

+ Mức thu: 18.000đ/trẻ/tháng.

+ Hình thức thu: Thu theo số tháng thực học. Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn giảm: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số trẻ 1 tháng: 150 trẻ

$$150 \text{ trẻ} \times 18.000 \text{ đ/trẻ/tháng} = 2.700.000 \text{ đ/tháng.}$$

+ Dự kiến chi:

- Chi mua đồ dùng thiết yếu phục vụ công tác vệ sinh phát cho các lớp hàng tháng (Nước lau sàn, Vim tẩy toiles, giấy vệ sinh, xà phòng giặt

- Bột thông cống, chổi đót, chổi cọ nhà vệ sinh, chổi lau nhà, chổi quét nước, túi bóng đựng... (đồ dùng trong mục này sẽ cấp 2 lần/năm)

### **3.4. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính.**

+ Mức thu: 6.000đ/cháu/ngày

+ Hình thức thu: Thu theo số ngày thực tế hàng tháng. Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 5 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số trẻ: 150 trẻ. Tuy nhiên hàng ngày các con đi khoảng 80% (Số ngày trẻ không đi học sẽ được trả lại) Dự kiến số tiền thu được 1 ngày

$$150 \text{ trẻ} \times 80\% \times 6.000\text{đ/trẻ/ngày} = 720.000\text{đ}$$

+ Dự kiến chi:

- Căn cứ vào số giờ giáo viên trực và làm ngoài giờ hành chính theo thực tế để trả tiền quản lí, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú bằng cách lấy số tiền thu được chia cho tổng số công làm thêm giờ của cả trường.

- Dự kiến mức chi tiền quản lí, chăm sóc trẻ buổi trưa ngoài giờ hành chính cho 10 CB, GV. (10 giáo viên, 2 quản lí, 1 nhân viên)

### **3.5. Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú.**

+ Mức thu: 100.000đ/trẻ/tháng.

+ Hình thức thu: Thu theo số tháng thực học. Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số trẻ: 150 trẻ.

+ Dự kiến chi: Trả công cho nhân viên nấu ăn.

*(Theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 nhân viên dinh dưỡng nấu ăn cho 35 trẻ nhà trẻ và 50 trẻ mẫu giáo. Vậy nhà trường lấy định mức chung là 50 trẻ/01 nhân viên dinh dưỡng. Số trẻ là 150 trẻ: 50 trẻ/người = 3 người).*

### **3.6. Tiền ăn (Gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn, chất đốt, điện nước, nước rửa bát)**

+ Mức thu: 25.000đ/trẻ/ngày.

+ Hình thức thu: Thu theo số ngày thực ăn. Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 5 hàng tháng.

+ Đối tượng miễn: Không miễn giảm.

+ Dự kiến số trẻ: 150 trẻ.

+ Dự kiến chi: 2.000đ tiền khí đốt, điện, nước, nước rửa bát + 23.000đ tiền mua thực phẩm nấu ăn cho trẻ. Thực phẩm theo bảng thực đơn của nhà trường đã xây dựng theo mùa, giá cả theo từng thời kỳ. (Có bảng tính khẩu phần ăn cho 1 ngày làm minh chứng kèm theo)

\* Tiền ăn (25.000đ/trẻ/ngày) của những ngày trẻ nghỉ học sẽ được trả về vào tháng sau.

**3.7. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo** mua mới, mua bổ sung (chăn, gô, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú...) Sau khi kết thúc năm học 2024 - 2025, nhà trường tiến kiểm kê tài sản phục vụ bán trú, từ đó xây dựng đề xuất mức thu này để trang bị thêm những đồ dùng đã hao mòn do sử dụng, không phải là mua mới hoàn toàn. Thực hiện theo nguyên tắc thu đủ bù chi.

+ Mức thu: Theo độ tuổi của trẻ mới nhập học: 452.000đ

- + Hình thức thu: Thu 1 lần duy nhất đối với trẻ mới lần đầu tiên nhập học.
- + Đối tượng miễn giảm: Không miễn giảm.
- + Dự kiến số trẻ nhập học mới trong năm học: 45 trẻ.

Dự kiến số tiền thu được năm học 2024 - 2025 là:

$$452.000\text{đ/trẻ} \times 45 \text{ trẻ} = 20.340.000\text{đ.}$$

**Tổng cộng: 20.340.000đ.**

- + Dự kiến chi: Mua bò sung đồ dùng nuôi ăn bán trú cho trẻ theo 4 đợt (Bao gồm: Gói, thìa, bát ăn cơm, chăn mỏng, đệm...)

4. Công tác miễn giảm tại trường: Chỉ thực hiện miễn giảm đối với khoản thu học phí. Đối tượng miễn giảm: Trẻ thuộc diện chính sách theo Nghị định số 81/2021-NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và học sinh lớp mẫu giáo 05 tuổi theo công văn số 1617/HD - SGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Tương tự các đầu mục, nội dung, mức thu như năm học 2023-2024. Khi có sự thay đổi, phát sinh (về đầu mục, nội dung, mức thu) so với năm học trước liền kề theo các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhà trường sẽ cập nhật kịp thời, thông báo tới cha mẹ học sinh về những khoản bắt buộc phải đóng góp theo nghĩa vụ, thực hiện việc xây dựng dự toán thu chi để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền, thống nhất tổ chức thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích sau khi được cấp có thẩm quyền có ý kiến, phê duyệt.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**

**1. Thực hiện tốt chủ đề của năm học “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”**

**2. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non:**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, GV có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sách, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư CSVC, TTB phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần GV.

**3. Đảm bảo các điều kiện trường lớp, CSVC, đội ngũ**

Tích cực tham mưu đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà trường để công trình xây dựng đúng như tiến độ .

**4. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Để chuẩn bị các điều kiện trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho khu trường mới sau khi hoàn thành nhằm tổ chức tốt các hoạt động CSGD trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch vận động, tài trợ của các cá nhân, tập thể trong và ngoài nước.

Để thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo hướng hội nhập, nhà trường đã tiến hành bồi dưỡng, triển khai chương trình giáo dục steam trong các hoạt động, nâng cao hiệu quả của công tác CSGD trẻ.

### **5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:**

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong nhà trường, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong các hoạt động của nhà trường. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ,

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

Xây dựng kho học liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường sử dụng tốt các phần mềm như: phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý công chức, viên chức...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

### **6. Công tác thi đua, truyền thông**

Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do các cấp phát động.

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương.

Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (Facebook, zalo), thông qua website trường: <https://mnbinhminh.ninhbinh.edu.vn/>

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đặng Thị Lan Anh**

